

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH CHÁNH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 343/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 18-6-2020
V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

– ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Tuấn Khương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Hoàng Thu
2. Bà Nguyễn Thị Thúy Oanh

– ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Kim Ngân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh

– ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Thúy Hiền – Kiểm sát viên

Ngày 18 tháng 6 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 768/2019/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 7 năm 2019 về “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 55/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 4 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 73/2020/QĐST-HNGĐ ngày 26 tháng 5 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Trịnh Thị C, sinh năm: 1973

Địa chỉ: Xã P, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa.

(Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt)

Bị đơn: Ông Bùi Văn N, sinh năm: 1974

Địa chỉ: Số D8/67/4 tổ 8, ấp X, xã Y, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 16/5/2019 và trong quá trình giải quyết, nguyên đơn bà Trịnh Thị C trình bày:

Bà C và ông Bùi Văn N tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1998, có tổ chức đám cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa theo Giấy chứng nhận kết hôn cấp ngày 04/01/1998. Thời gian đầu,

cuộc sống vợ chồng rất hạnh phúc, nhưng đến năm 2016 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, tính tình không hòa hợp. Ông N không chăm lo, quan tâm đến gia đình và có người phụ nữ khác ở bên ngoài; dẫn đến vợ chồng hay gây gổ, tình cảm vợ chồng không còn hạnh phúc. Cả hai đã sống ly thân đã hơn ba năm nay. Nay bà C nhận thấy tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu được ly hôn với ông N.

Về con chung: Quá trình chung sống, vợ chồng có 01 con chung tên là Bùi Quang L, sinh ngày 22/8/1998 (Giới tính: Nam); đã thành niên.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà C xác nhận không có.

Đối với bị đơn ông Bùi Văn N: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án; thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, không khai chứng cứ và hòa giải; quyết định đưa vụ án ra xét xử; quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập đương sự tham gia tố tụng theo quy định; nhưng ông N vắng mặt không có lý do, không thể hiện ý kiến của mình bằng bất cứ văn bản nào nên vụ án không tiến hành hòa giải được và được đưa ra xét xử công khai.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

– Về tố tụng:

Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án và Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định về thẩm quyền thụ lý và trong quá trình giải quyết vụ án; Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định về việc xét xử sơ thẩm vụ án; tuy nhiên còn chưa đảm bảo về thời hạn chuẩn bị xét xử theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật, bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định.

– Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Trịnh Thị C khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông Bùi Văn N; bị đơn hiện cư trú tại xã Y, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc

thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về sự có mặt của các đương sự tại phiên tòa:

Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai, bị đơn ông Bùi Văn N vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Nguyên đơn bà Trịnh Thị C có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Do đó, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[3] Về nội dung:

[3.1] Về quan hệ vợ chồng: Bà C và ông N tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa theo Giấy chứng nhận kết hôn cấp ngày 04/01/1998; do đó có cơ sở xác định hôn nhân giữa bà C và ông N là hôn nhân hợp pháp được quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3.2] Trong quá trình giải quyết vụ án, bà C xác định giữa bà và ông N mâu thuẫn trầm trọng do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hòa hợp, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn, vì vậy bà C yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà ly hôn với ông N. Căn cứ vào kết quả trả lời xác minh về tình trạng hôn nhân của Ủy ban nhân dân xã Y, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh thì bà C và ông N hiện không còn chung sống với nhau, quá trình chung sống hai bên có phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do cả hai không hòa hợp trong cuộc sống hôn nhân và mâu thuẫn về kinh tế. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy giữa bà C và ông N đã từ lâu hai bên ít còn sự quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Mặt khác, kể từ khi Tòa án thụ lý vụ án cho đến tại phiên tòa xét xử ông N vẫn vắng mặt, điều này chứng tỏ giữa hai người đã không còn liên lạc, tình cảm vợ chồng đã không còn, cả hai không có thiện chí đoàn tụ. Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu ly hôn của bà Trịnh Thị C đối với ông Bùi Văn N là hoàn toàn phù hợp với quy định tại Điều 51 và Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3.3] Về con chung, vợ chồng chung sống có 01 con chung tên là Bùi Quang L, sinh ngày 22/8/1998 (Giới tính: Nam); đã thành niên. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3.4] Về tài sản chung, nợ chung: Bà C xác nhận không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về án phí: Nguyên đơn chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Điều 8; Điều 9; Điều 51; Điều 56 và Điều 57 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

I. Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Trịnh Thị C đối với ông Bùi Văn N.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Trịnh Thị C được ly hôn với ông Bùi Văn N.

Giấy chứng nhận kết hôn đăng ký ngày 04 tháng 01 năm 1998 tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa cấp cho bà Trịnh Thị C và ông Bùi Văn N không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung: Có 01 con chung tên là Bùi Quang L, sinh ngày 22/8/1998 (Giới tính: Nam); đã thành niên nên Tòa án không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Bà C xác nhận không có nên Tòa án không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Bà Trịnh Thị C chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2019/0002526 ngày 19/7/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà C đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

II. Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND H. Bình Chánh;
- UBND X. P, H. Q, tỉnh Thanh Hóa;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Tuấn Khương